

TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY

TỔ: NGŨ VĂN

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGŨ VĂN – LỚP 10

CUỐI HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2024-2025

I. ĐỌC HIỂU: TÁC PHẨM TRUYỆN NGẮN (6.0 điểm)

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật
- Học sinh phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm truyện muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề

B. TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Câu chuyện là sự việc, chuỗi sự việc xảy ra trong đời sống, liên quan đến một hoặc một số người nào đó. Câu chuyện thường có khởi đầu, có diễn biến và kết thúc. Cốt truyện là câu chuyện được tổ chức một cách nghệ thuật với biến cố, tình huống, xung đột làm cho câu chuyện trở nên có nghĩa.

2. Thông điệp của tác phẩm văn học là điều mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua hình tượng nghệ thuật. Đó là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, cách ứng xử mà văn bản văn học muốn truyền đến người đọc

3. Tư tưởng của tác phẩm văn học là nhận thức, quan niệm, thái độ, cách lí giải về các vấn đề đời sống và khát vọng của tác giả được thể hiện trong tác phẩm. Tư tưởng của tác phẩm được thể hiện sinh động qua nhiều yếu tố: đề tài, chủ đề, thế giới hình tượng.

4. Đặc điểm, tính cách nhân vật là những nét riêng về ngoại hình, hành động, tình cảm, tâm lí, ngôn ngữ,.. của nhân vật, giúp phân biệt với nhân vật khác. Khi đọc truyện, người đọc có thể nhận biết đặc điểm, tính cách, tư tưởng, tình cảm của một nhân vật qua lời của người kể chuyện, qua hành động, lời nói, ý nghĩ của nhân vật, hoặc qua nhận xét, đánh giá của nhân vật khác về nó.

5. Người kể chuyện là một vai được tác giả tạo ra đảm nhiệm việc kể lại câu chuyện trong văn bản truyện. Người kể chuyện có thể là nhân vật hoặc không, có thể dùng các điểm nhìn khác nhau.

6. Điểm nhìn là vị trí của người kể truyện trong tương quan với câu chuyện. Tùy trường hợp, câu chuyện có thể được kể theo điểm nhìn từ ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất, điểm nhìn của người kể chuyện hoặc điểm nhìn của nhân vật (xưng “tôi” hay không xưng “tôi”), điểm nhìn cố định hay dịch chuyển, thay đổi, Có thể phân biệt điểm nhìn ngôi thứ nhất với điểm nhìn ngôi thứ ba.

Điểm nhìn ngôi thứ nhất	Điểm nhìn ngôi thứ ba
Người kể chuyện ngôi thứ nhất (“hạn tri”) - Là một nhân vật trong truyện - Xưng “tôi”	Người kể chuyện ngôi thứ ba (“toàn tri”) - Không phải nhân vật trong truyện - Không xưng “tôi”

7. Tiếng Việt:

- Biện pháp tu từ chêm xen
- Biện pháp tu từ liệt kê

II. PHẦN VIẾT - THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ THÓI QUEN

1. **Yêu cầu cần đạt:** Viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen có hại.

2. Kiểu bài

Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen là kiểu bài nghị luận dùng lí lẽ và bằng chứng để chỉ ra sự sai trái và tác hại của một thói quen nhằm giúp họ từ bỏ thói quen ấy.

3. Yêu cầu đối với kiểu bài

- Nêu rõ thói quen xấu cần thuyết phục người khác từ bỏ; mục đích lí do viết bài luận.
- Trình bày các luận điểm: tác hại của thói quen, lợi ích của việc từ bỏ thói quen những gợi ý về giải pháp thực hiện.
- Sử dụng lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục, có lí, có tình.
- Sắp xếp luận điểm, lí lẽ theo trình tự hợp lí.
- Diễn đạt mạch lạc, gãy gọn, lời lẽ chân thành.

4. Bố cục bài luận gồm 3 phần:

- **Mở bài:** Nêu thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ; lí do hay mục đích viết bài luận.
- **Thân bài:** Lần lượt đưa ra các luận điểm (lí lẽ, bằng chứng) làm rõ các ý sau:
 - + Giải thích/ nêu biểu hiện của thói quen
 - + Mặt trái và tác hại của thói quen
 - + Nêu lợi ích của việc từ bỏ thói quen xấu
 - + **Nêu** giải pháp khắc phục, từ bỏ thói quen xấu
- **Kết bài:** Khẳng định lại ý nghĩa, lợi ích của việc từ bỏ thói quen. thể hiện niềm tin vào sự cố gắng và thành công của người thực hiện.